TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH SƠN** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 18/11/2019
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Lê Quốc Phong.
Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Bà Phạm Thị Thuận;
2/ Bà Nguyễn Thị Tố Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lên – Là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi *tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Thanh Tứ – Kiểm sát viên.

Ngày 18/11/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 214/2019/TLST-HNGĐ, ngày 04/10/2019 về việc*"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/11/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 111/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 13/11/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Lê Thị M, sinh năm 1972;
Nơi ĐKHKTT: Thôn P, xã B, huyện B, tỉnh Q.
Chổ ở hiện nay: Thôn A, xã B, huyện B, tỉnh Q (có mặt).
- *Bị đơn:* Anh Lê Hữu M, sinh năm 1971;
Địa chỉ: Thôn P, xã B, huyện B, tỉnh Q (vắng măt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 26/9/2019, bản khai ngày 04/10/2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị M trình bày:

Chị và anh Lê Hữu M tự nguyện tìm hiểu và quyết định đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B ngày 17/4/1992. Trong quá trình sống chung vài năm trở lại đây, anh M thường xuyên gây gỗ, đánh đập chị, xúc phạm, lăng mạ chị cho rằng chị ngoại tình, đập phá tài sản trong nhà, hăm dọa chị đủ điều, chị đã báo công an xã để can thiệp. Nay để đảm bảo điều kiện sinh sống và sức khỏe chị đã về cha mẹ chị ở xã B sinh sống. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh M vì giữa chị và anh M sống không có hạnh phúc, chị không còn tin tưởng vào cuộc sống hôn nhân.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là chị Lê Thị Kim Ph, sinh năm 1993; anh Lê Thanh S, sinh năm 1995; anh Lê Trung V, sinh năm 1998. Hiện nay các con đã trưởng thành, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng.

Ngoài ra chị không yêu cầu gì thêm.

* Tại bản khai ngày 10/10/2019, tại phiên hòa giải bị đơn anh Lê Hữu M trình bày như sau:

Anh M thống nhất về thời gian và địa điểm kết hôn như chị M trình bày. Về mâu thuẫn vợ chồng thì do vợ anh đi làm về khuya, anh bảo chị M nghỉ nhưng chị không chịu. Do anh nói chị M không nghe nên anh chán nản hay uống rượu, anh có đánh chị M và đập phá tài sản trong nhà, thời gian gần đây chị M nảy sinh ý định ly dị anh và bỏ nhà ra đi, anh phát hiện chị M có quan hệ bất chính với người đàn ông khác. Nay anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ, làm ăn nuôi con nhưng nếu chị M cương quyết ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Anh thống nhất như chị M trình bày.

Ngoài ra anh không trình bày gì thêm.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B về nội dung vụ án như sau:

I. Việc Tuân theo pháp luận tố tụng:

1.Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá tình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của nguyên đơn: nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của bị đơn: bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ không đúng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

II. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 28, 35, 39, 147, 189, 203, 220 và Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận cho chị Lê Thị M được ly hôn anh Lê Hữu M.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung chị Lê Thị Kim Ph, sinh năm 1993; anh Lê Thanh S, sinh năm 1995; anh Lê Trung V, sinh năm 1998. Hiện nay các con đã trưởng thành, các bên đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Hai bên đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: không có.

Về án phí dân sự: áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng áp phí và lệ phí Tòa án buộc chị Minh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Chị Lê Thị M khởi kiện *"Ly hôn"* với anh Lê Hữu M cư trú tại thôn P, xã B, huyện B, tỉnh Q, căn cứ vào các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Q thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Anh M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lê Thị M và anh Lê Hữu M kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Q vào ngày 17/4/1992. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh M là hôn nhân hợp pháp.

Trong thời gian chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn với lý do anh M có nghi nghờ chị M quan hệ bất chính với người đàn ông khác, anh M và chị M xảy ra cải vả và anh M có hành vi đánh chị M, đập phá tài sản trong nhà. Chị M có gửi đơn đến công an, Ủy ban nhân dân xã B nhờ can thiệp. Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết, Tòa án đã động viên và hòa giải nhưng giữa chị M và anh M không hàn gắn được, hai bên đã thống nhất được toàn bộ nội dung giải quyết vụ án nhưng anh M không ký biên bản, bỏ về. Hiện nay anh chị đã sống ly thân với nhau và không còn trách nhiệm vợ chồng với nhau.

Xét thấy, tình cảm giữa chị M và anh M không còn, mâu thuẫn xảy ra trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho chị M được ly hôn anh M.

[3] *Về con chung:* Vợ chồng có 03 con chung là chị Lê Thị Kim Ph, sinh năm 1993; anh Lê Thanh S, sinh năm 1995; anh Lê Trung V, sinh năm 1998. Hiện nay các con đã trưởng thành, chị M và anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] *Về tài sản chung*: Hai bên đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chungng: Không có nên không xem xét, giải quyết.

[6] *Về án phí:* Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH buộc chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát ở trên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nghĩ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Thị M được ly hôn anh Lê Hữu M

Về con chung: Giữa chị M và anh M có 03 con chung là chị Lê Thị Kim Ph, sinh năm 1993; anh Lê Thanh S, sinh năm 1995; anh Lê Trung V, sinh năm 1998. Hiện nay các con đã trưởng thành, chị M và anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Hai bên đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân và gia đình không có giá ngạch (về ly hôn): 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Chị Lê Thị M có nghĩa vụ nộp sung công qũy nhà nhưng chị đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000559 ngày 04/10/2019 của chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Q nên được khấu trừ xong.

Nguyên đơn chị Lê Thị M có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Lê Hữu M vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND t.Q;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Bình Ph;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Quốc Phong